TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – CÀ MAU
Bản án số: 88/2026/DS-ST
Ngày 18-3-2026
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tấn Liêm

Ông Nguyễn Văn Sol

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Trần Thu Khiếm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau tham gia phiên tòa*:** Ông Lâm Văn Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 461/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2026/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Tuyết H, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số 096170000531, cấp ngày 25/4/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã C, tỉnh Cà Mau

Người đại diện hợp pháp của bà H: Bà Lâm Thị Bé T, sinh năm 1961; Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã C, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền đề ngày 23/9/2025 (Có mặt)

- *Bị đơn*: 1/ Bà Trần Thị Châu H1, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

2/ Ông Phạm N, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp A, xã C, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 9 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lâm Thị Bé T trình bày:

Vào khoảng cuối năm 2023 đầu năm 2024 ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H1 có vay của bà Nguyễn Tuyết H số tiền 260.000.000 đồng, lãi suất hai bên thoả thuận 260.000 đồng/ngày. Khi vay thì hai bên không có làm văn bản gì, sau khi vay thì ông N và bà H1 có đóng lãi cho bà H nhưng bà H không nhớ là đã đóng lãi bao nhiêu, hiện tại số tiền nợ gốc ông N và bà H1 còn nợ bà H là 260.000.000 đồng. Nay đối với số tiền này thì bà H yêu cầu ông N và bà H1 trả lại cho bà H phần tiền gốc, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 17/9/2024 âm lịch, ông N và bà H1 hỏi vay của bà H số tiền 44.000.000 đồng, hình thức là trả góp, thời hạn góp là 120 ngày, tổng số tiền góp là 52.800.000 đồng. Khi vay thì giữa bà H và ông N, bà H1 không làm văn bản gì. Ông N và bà H1 góp được 45 ngày với tổng số tiền là 19.800.000 đồng, trong đó số tiền vốn là 16.500.000 đồng, tiền lãi là 3.300.000 đồng. Như vậy, sau khi đối trừ số tiền vốn còn lại là 27.500.000 đồng. Nay bà H yêu cầu ông N và bà H1 trả lại số tiền nợ gốc là 27.500.000 đồng và lãi suất 20%/năm tính từ ngày bà H1 và ông N ngừng góp là ngày 02/12/2024 dương lịch đến ngày làm đơn khởi kiện ngày 29/9/2025, đồng thời trừ lại số tiền lãi mà bà H1 và ông N đã đóng 3.300.000 đồng, như vậy số tiền lãi còn lại là 1.237.500 đồng. Tổng vốn và lãi là 28.737.500 đồng.

Ngày 03/11/2024 âm lịch (ngày 03/12/2024 dương lịch), ông N và bà H1 có vay của bà H số tiền 30.000.000 đồng, hình thức trả góp, thời hạn góp là 120 ngày, mỗi ngày góp 300.000 đồng, tổng số tiền góp là 36.000.000 đồng. Sau khi vay thì ông N và bà H1 chưa góp cho bà H ngày nào. Đối với khoản vay này bà H yêu cầu tính lãi từ ngày vay là ngày 03/12/2024 dương lịch đến ngày 29/9/2025, lãi suất 20%/năm với số tiền là 4.933.000 đồng. Tổng vốn và lãi là 34.933.000 đồng.

Tổng số tiền của 03 khoản vay ông N và bà H1 còn nợ bà H là 323.670.500 đồng, trong đó: nợ gốc là 317.500.000 đồng, nợ lãi 6.170.500 đồng.

Đã nhiều lần bà H đến gặp ông N và bà H1 để yêu cầu trả lại số tiền đã nợ nhưng ông N và bà H1 cứ hẹn mà không thực hiện. Tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu ông N và bà H1 trả cho bà H tổng số tiền là 376.333.330 đồng, trong đó nợ gốc là 323.000.000 đồng, nợ lãi là 53.333.330 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, người đại

diện hợp pháp của bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông N và bà H1 trả tổng số tiền nợ là 323.670.500 đồng, trong đó: nợ gốc là 317.500.000 đồng, nợ lãi 6.170.500 đồng.

Đối với ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H1 Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án cũng đã triệu tập ông N và bà bà để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông N và bà H1 đều vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau phát biểu:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Thụ lý đơn khởi kiện, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về quyền và nghĩa vụ phải thực hiện, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Tuyết H đối với ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H1.

Buộc ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Tuyết H số tiền 323.670.500 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng), trong đó: nợ gốc là 317.500.000 đồng, nợ lãi 6.170.500 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông N và bà H1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết H với bị đơn bà Trần Thị Châu H1, ông Phạm Ngọc L "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị Châu H1, ông Phạm N có địa chỉ tại ấp A, xã C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tòa án đã triệu tập ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H1 hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông N và bà H1 vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử vắng mặt đối với ông N và bà H1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án:

Tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu ông N và bà H1 trả cho bà tổng số tiền là 376.333.330 đồng, trong đó nợ gốc là 323.000.000 đồng, nợ lãi là 53.333.330 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông N và bà H1 trả tổng số tiền nợ là 323.670.500 đồng, trong đó: nợ gốc là 317.500.000 đồng, nợ lãi 6.170.500 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc diện hợp pháp của bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù phợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về số tiền nợ gốc:

Bà H yêu cầu ông N và bà H1 trả số tiền nợ gốc của 3 khoản nợ là 317.500.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại Biên bản ghi lời khai ngày 17/6/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh C đối với bà Trần Thị Châu H1 và Biên bản ghi lời khai ngày 17/6/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh C đối với ông Phạm Ngọc T1 ông N và bà H1 thừa nhận có vay của bà Nguyễn Tuyết H số tiền 334.000.000 đồng. Đồng thời, ông N và bà H1 cũng thừa nhận đối với khoản vay 260.000.000 đồng và khoản vay 30.000.000 đồng thì chưa trả vốn, đối với khoản vay 44.000.000 đồng thì mới chỉ trả được số tiền vốn là 16.500.000 đồng, số tiền vốn còn lại là 27.500.000 đồng. Như vậy, lời trình bày của bà H phù hợp với lời trình bày của bà H1 và ông N, do đó việc bà H yêu cầu bà H1 và ông N trả số tiền nợ gốc còn thiếu 317.500.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về phần lãi suất:

Đối với số tiền 260.000.000 đồng bà H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền nợ gốc 27.500.000 đồng bà H yêu cầu tính lãi từ ngày ông N và bà H1 không góp là ngày 02/12/2024 dương lịch đến ngày làm đơn khởi kiện ngày 29/9/2025 (09 tháng 27 ngày) với lãi suất 20%/năm, đồng thời trừ lại số tiền lãi mà bà H1 và ông N đã đóng 3.300.000 đồng, như vậy số tiền lãi còn lại là 1.237.500 đồng.

Đối với số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, bà H yêu cầu tính lãi từ ngày vay là ngày 03/12/2024 dương lịch đến ngày 29/9/2025 (09 tháng 26 ngày), lãi suất 20%/năm với số tiền là 4.933.000 đồng.

Tổng số tiền lãi của hai khoản vay là 6.170.500 đồng (Sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng).

Hội đồng xét xử nhận thấy, số tiền lãi bà H yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những phân tích, đánh giá ở mục [2], Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà H khởi kiện yêu cầu ông N và bà H1 trả tổng số tiền 323.670.500 đồng, trong đó: nợ gốc là 317.500.000 đồng, nợ lãi 6.170.500 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H1 phải chịu 16.183.500 đồng (Mười sáu triệu một trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng), theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 244, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Tuyết H đối với ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H1.

Buộc ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Tuyết H số tiền 323.670.500 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, ông N và bà H1 không thi hành khoản tiền nêu trên thì ông N và bà H1 phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H1 phải chịu 16.183.500 đồng (Mười sáu triệu một trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng), nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau khi án có hiệu lực pháp luật. Bà Nguyễn Tuyết H không phải chịu án phí, bà H có dự nộp số tiền tạm ứng án phí 9.400.000 đồng (Chín triệu bốn trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004844 ngày 18/11/2025 được nhận lại.

[3] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Án xử sơ thẩm công khai bà Nguyễn Tuyết H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm N và bà Trần Thị Châu H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ